

Số: **640** /QĐ-UBND

Thành phố Cao Bằng, ngày **09** tháng **5** năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với ông (bà) Nguyễn Thị Diệu, trú tại tổ dân phố 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 8 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 8 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá quy định bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Bảng giá các loại đất năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt dự án Khắc phục hậu quả thiên tai và di

dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường và tiền sử dụng đất giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc đính chính nội dung tại Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường và tiền sử dụng đất giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ hồ sơ, phương án của các hộ gia đình, cá nhân kèm theo Công văn số 141/TCT-QĐMB ngày 05 tháng 04 năm 2023 của Tổ công tác - Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng;

Căn cứ bản đồ chỉnh lý phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Cao Bằng tại Tờ Trình số 14/TTr-TTĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở tại tổ 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với ông (bà) Nguyễn Thị Dịu, trú tại tổ dân phố 16, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, với những nội dung sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **82.941.960 đồng.**

(Bằng chữ: Tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi một nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường: 34.651.827 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ: 48.290.133 đồng.

2. Phương án bố trí tái định cư: Không đủ điều kiện được cấp tái định cư (Không thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư theo khoản 1, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP).

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

## **Điều 2.**

1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng có trách nhiệm giao quyết định này đến ông/bà: Nguyễn Thị Dịu. Trường hợp ông/bà: Nguyễn Thị Dịu không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản và niêm yết công khai Quyết định này theo quy định.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt cho ông/bà Nguyễn Thị Dịu.

3. Văn phòng HĐND và UBND thành phố Cao Bằng có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Cao Bằng, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng, Chủ tịch UBND phường Sông Hiến, ông/bà: Nguyễn Thị Dịu và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*tp*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trung tâm PTQĐ và GPMB thành phố (9 bản);
- Ban QLDAĐT và XD thành phố;
- Các phòng: TNMT, QLĐT, TC-KH TP;
- UBND phường Sông Hiến;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Châu**



**PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Đối với Bà Nguyễn Thị Dịu, Địa chỉ: Tổ 16, phường Sông Hiến (SDT: 0987 203 242)

Dự án: Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân vùng sạt lở tổ 16 phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số 640/QĐ - UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

STT	Hạng mục	Tờ bán đồ số	Thửa đất số	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá (đồng)	Hệ số				Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị BT, HT	Giao đất theo khoản 1, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 8/7/2020
					Diện tích đất	Tài sản, hoa màu		điều chỉnh giá đất	điều chỉnh giá xây dựng theo QĐ 16/QĐ-UBND	hỗ trợ chuyển đổi nghề/hỗ trợ khác	tăng/giảm	Bồi thường	Hỗ trợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
<b>A</b>	<b>BỒI THƯỜNG</b>												<b>34.651.827</b>		
<b>I</b>	<b>ĐẤT ĐAI</b>				<b>212,8</b>								<b>24.557.440</b>		
1	Đất BHK, vùng 1, xã đồng bằng, chênh thấp >5m Thửa đất chênh >5m giá đất bằng 0,8 lần giá đất vị trí tương ứng của vùng theo Điều 8, Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng	101	38	m2	150,8		146.000				0,8		17.613.440		
2	Đất CLN, vùng 1, xã đồng bằng, chênh thấp > 5m Thửa đất chênh thấp >5m giá đất bằng 0,8 lần giá đất vị trí tương ứng của vùng theo Điều 8, Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng	101	38	m2	62,0		140.000				0,8		6.944.000		
<b>II</b>	<b>HOA MÀU</b>												<b>10.094.387</b>		
1	Chanh Loại A			Cây		1	520.000						520.000		
2	Chanh Loại C			Cây		6	180.000						1.080.000		
3	Chanh Loại D			Cây		5	100.000						500.000		
4	Cây mắc mật loại B			Cây		1	460.000						460.000		
5	Cây mắc mật loại C			Cây		5	330.000						1.650.000		
6	Cây mắc mật loại D			Cây		6	180.000						1.080.000		
7	Cây Chuối Loại A			Cây		8	142.689						1.141.512		
8	Cây Chè đấng có đường kính 6 cm đến < 15 cm			Cây		16	121.000						1.936.000		
9	03 cây lấy gỗ f1250, h=5m Áp giá gỗ nhóm VII khác 25cm≤D<50 cm			m3		0,736	2.000.000						1.471.875		
10	Cây cảnh trồng trong chậu chiều cao từ 0,5-1,5 m			Cây		17	15.000						255.000		
<b>III</b>	<b>TÀI SẢN - VẬT KIẾN TRÚC</b>														
	Tài sản hình thành trái quy định của pháp luật (Biên bản vi phạm số 26/BB-VPHC ngày 17/3/2023 của UBND phường Sông Hiến lập) do đó không đủ căn cứ để tính bồi thường theo quy định tại Khoản 2, Điều 92 Luật Đất đai 2013														

STT	Hạng mục	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá (đồng)	Hệ số				Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị BT, HT	Giao đất theo khoản 1, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 8/7/2020
					Diện tích đất	Tài sản, hoa màu		điều chỉnh giá đất	điều chỉnh giá xây dựng theo QĐ 16/QĐ-UBND	hỗ trợ chuyển đổi nghề/hỗ trợ khác	tăng/giảm	Bồi thường	Hỗ trợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
1	Nhà xây 1 tầng, móng xây gạch bê tông, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch vồ (gạch xi măng), có trát, sơn tường, cửa nhôm kính, điện nổi, trần nhựa, hoành sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn. Có công trình vệ sinh khép kín, cửa nhôm kính, nền lát gạch chống trơn, xi bệt, có bể tự hoại, có nóng lạnh 2 chiều, tường nhà vệ sinh ốp gạch men KT 9m x 1,75m). Kích thước nhà: sâu 11,2m, rộng 4,95m, cao thu hồi 3,3m.														
2	Nhà có sơn tường tăng 60.000 đồng/m2 sàn Sân BT, kích thước 1,7m x 2,7m, dày 0,1m														
<b>B</b>	<b>HỖ TRỢ</b>														
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường</b>													48.290.133	
	Không hỗ trợ do thửa đất bị thu hồi không tiếp giáp mặt đường quy định trong bảng giá các loại đất														
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</b>													29.946.133	
	Tổng số nhân khẩu trong gia đình			NK	3										
	Số nhân khẩu trong gia đình đủ điều kiện hỗ trợ (không hưởng lương ngân sách):			NK	2										
	Số nhân khẩu trong gia đình không đủ điều kiện hỗ trợ (hưởng lương ngân sách): Phạm Thu Hiền			NK	1										
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất BHK, vùng 1, chênh &gt;5m (= diện tích được hỗ trợ x đơn giá đất bị thu hồi x hệ số chuyển đổi nghề)</b>				100,5		107.000			2,5	0,8		21.514.133		
	Diện tích đất hỗ trợ (=Bảng tổng diện tích đất BHK x số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ/tổng số nhân khẩu của gia đình)				đồng	100,5									
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất CLN, vùng 1, chênh &gt;5m (= diện tích được hỗ trợ x đơn giá đất bị thu hồi x hệ số chuyển đổi nghề)</b>				41,3		102.000			2,5	0,8		8.432.000		
	Diện tích đất hỗ trợ (=Bảng tổng diện tích đất CLN x số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ/tổng số nhân khẩu của gia đình)				đồng	41,3									
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất</b>													17.280.000	
	Tổng số nhân khẩu trong gia đình			NK	3		360.000			24					
	Số nhân khẩu trong gia đình đủ điều kiện hỗ trợ (không hưởng lương ngân sách):			NK	2										

STT	Hạng mục	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Đơn vị	Khối lượng		Đơn giá (đồng)	Hệ số				Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị BT, HT	Giao đất theo khoản 1, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 8/7/2020
					Diện tích đất	Tài sản, hoa màu		điều chỉnh giá đất	điều chỉnh giá xây dựng theo QĐ 16/QĐ-UBND	hỗ trợ chuyển đổi nghề/hỗ trợ khác	tăng/giảm	Bồi thường	Hỗ trợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)			(15)		
	Số nhân khẩu trong gia đình không đủ điều kiện hỗ trợ (hường lương ngân sách): Phạm Thu Hiền			NK		1									
	Mức hỗ trợ = 30kg gạo tẻ thường * 12,000đồng = 360,000đ/người/tháng			đồng			360.000								
	Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp là: 100%, phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ: 24 tháng			tháng					24						
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ khác</b>											<b>1.064.000</b>			
1	Thưởng tiền độ bản giao mặt bằng											1.064.000			
1.1	Thưởng tiền độ bản giao mặt bằng đối với đất nông nghiệp là 5.000đ/m <sup>2</sup> , mức thưởng tối đa là 5.000.000đ/hộ Quy định thời gian bản giao mặt bằng đối với đất nông nghiệp là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo (sẽ được chi trả sau khi gia đình bản giao mặt bằng đúng tiến độ theo Thông báo của Hội đồng bồi thường)			m <sup>2</sup>		212,8	5.000					1.064.000			
1.2	Thưởng tiền độ bản giao mặt bằng đối với tài sản gắn liền với đất: Nhà xây 01 tầng tường xây gạch vồ (gạch xi măng)														
2	Hỗ trợ chi phí di chuyển nhà: Diện tích mặt sàn xây dựng <100m <sup>2</sup> là 5.000.000đ														
3	Hỗ trợ thuê nhà ở tạm (Không có)														
<b>C</b>	<b>GIAO ĐẤT THEO KHOẢN 1, ĐIỀU 6, NGHỊ ĐỊNH SỐ 47/2014/NĐ-CP; ĐIỀU 18, QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2020/QĐ-UBND NGÀY 8/7/2020 CỦA UBND TỈNH CAO BẰNG</b>													<b>0 16</b>	
	Gia đình không bị thu hồi đất ở, không đủ điều kiện cấp đất tái định cư.														
	<b>TỔNG</b>				<b>212,8</b>							<b>34.651.827</b>	<b>48.290.133</b>	<b>82.941.960</b>	<b>0 16</b>